

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHÚC YÊN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2019/HNGĐ- ST
Ngày 12- 11 - 2019
“V/v tranh chấp Hôn nhân gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚC YÊN- TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Doãn Thị Vệ và bà Nguyễn Thị Kim Luyến.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Việt Quang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ptham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 194/2019/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2019 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 10/10/2019 và Quyết định hoãn phiên phiên tòa số: 07/2019/QĐST - HNGĐ ngày 25/10/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hà Thị Như Q, sinh năm 1993, (có mặt)

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 3, phường H, thành phố P, tỉnh V

Nơi ở hiện tại: Số nhà 150, đường Đ, phường M, quận N, Thành phố H.

2. Bị đơn: Anh Đào Thanh B, sinh năm 1988, (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 3, phường H, thành phố P, tỉnh V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 14 tháng 5 năm 2019, bản tự khai và quá trình làm việc cũng như tại phiên tòa nguyên đơn là chị Hà Thị Như Q trình bày:

Chị và anh Đào Thanh B đăng ký kết hôn ngày 27 tháng 4 năm 2013 tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố P, tỉnh V. Phúc trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau ngày kết hôn, chị về làm dâu chung sống cùng gia đình anh B tại tổ 6, phường H, thành phố P, tỉnh V. Phúc (nay là tổ 3, phường H). Thời gian đầu, tình cảm vợ

chồng anh chị sống B thường hạnh phúc nhưng đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vì hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh B không quan tâm đến tâm tư tình cảm của chị, từ đó tình cảm vợ chồng rạn nứt. Đến tháng 9 năm 2015, sau khi xác định không thể chung sống cùng anh B được nữa, nên chị và anh B đã sống ly thân nhau. Từ đó, chị chuyển ra Hà Nội làm việc và sinh sống cho đến nay. Trong thời gian ly thân, gia đình hai bên đã nhiều lần động viên hòa giải cho vợ chồng chị đoàn tụ, nhưng không thành. Trước đây chị đã từng làm đơn xin ly hôn anh B, sau đó lại rút đơn về nhưng quan hệ tình cảm vợ chồng vẫn không thể hàn gắn được, nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh B.

Về con chung: Chị và anh B không có con chung.

Về quan hệ tài sản: Chị và anh B không có tài sản gì chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Đào Thanh B, mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh B đều không đến làm việc và không có lý do. Ông Đào Đình Long là bố đẻ anh B trình bày: Xác nhận quá trình kết hôn, chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng như chị Q trình bày là đúng. Chị Q đã sống ly thân anh B từ tháng 9 năm 2015 đến nay, ông và gia đình đã nhiều lần động viên các con về đoàn tụ nhưng không thành. Anh B có biết việc chị Q xin ly hôn nhưng vì điều kiện công việc bận nên không đến Tòa án làm việc được. Quan điểm của anh B và gia đình ông nhất trí để chị Q giải quyết ly hôn đơn phương theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử này đã thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70 và 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập; thông báo phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ, các thông báo hòa giải nhưng anh Đào Thanh B đều không đến Tòa án làm việc.

Về nội dung vụ án: Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Xử:

Cho chị Hà Thị Như Q được ly hôn anh Đào Thanh B.

Về con chung: Các đương sự không có nên không giải quyết.

Về quan hệ tài sản: Giải quyết bằng một vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngày 14 tháng 5 năm 2019 chị Hà Thị Như Q có đơn khởi kiện xin ly hôn anh Đào Thanh B, sinh năm 1988 cư trú tại: Tổ 3, phường H, thành phố P. Nên Tòa án nhân dân thành phố P đã thụ lý và giải quyết đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] . Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn nghiêm chỉnh chấp hành theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự , nhưng bị đơn không chấp hành theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập bị đơn tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ 2 nhưng bị đơn cố tình vắng mặt. Vì vậy Tòa án xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung vụ án: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Xét đơn xin ly hôn của chị Hà Thị Như Q với anh Đào Thanh B, Hội đồng xét xử thấy: Chị Q và anh B kết hôn tự nguyện, có đăng ký ngày 27/4/2013 tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố P, tỉnh V; đây là cuộc hôn nhân hợp pháp.

Thời gian đầu chung sống, tình cảm vợ chồng giữa chị Q và anh B thường hạnh phúc. Nhưng đến năm 2015, vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Anh chị đã ly thân từ tháng 9 năm 2015 đến nay, không có quan hệ tình cảm gì. Mặc dù gia đình hai bên đã hòa giải nhiều lần nhưng tình cảm vợ chồng không hàn gắn được. Qua xác minh tại địa phương và lời khai của ông Đào Đình Long là bố đẻ anh B cho thấy trong quá trình chung sống chị Q và anh B thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, ly thân kéo dài, anh B đã không còn quan tâm đến tâm tư, tình cảm của chị Q. Trước đây, chị Q đã từng làm đơn ly hôn anh B và rút đơn để đoàn tụ nhưng không thành. Đến nay, chị Q xác định không cải thiện được quan hệ hôn nhân nên tiếp tục có đơn xin ly hôn yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã báo gọi anh B nhiều lần nhưng anh B đều không đến trình bày quan điểm. Do vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa anh B và chị Q đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận cho chị Q được ly hôn anh B là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị Q và anh B không có con chung nên Hội đồng xét xử

không đặt ra xem xét.

Về quan hệ tài sản: Giải quyết bằng một vụ án khác khi đương sự yêu cầu.

[4]. Về án phí: Chị Hà Thị Như Q phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Cho chị Hà Thị Như Q được ly hôn anh Đào Thanh B.
2. Về con chung: Chị Hà Thị Như Q và anh Đào Thanh B không có.
3. Về quan hệ tài sản: Giải quyết bằng vụ án khác khi đương sự yêu cầu.
4. Về án phí sơ thẩm: Chị Hà Thị Như Q phải nộp 300.000đ tiền án phí sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2017/0004318 ngày 06 tháng 8 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phúc Yên; chị Q đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát thành phố P;
- Thi hành án thành phố P;
- UBND phường H;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lưu Thị Thúy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Doãn Thị Vệ Nguyễn Thị Kim Luyện

Lưu Thị Thúy

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát thành phố Phúc Yên;
- Thi hành án thành phố Phúc Yên;
- \ - UBND xã Ngọc Thanh
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lưu Thị Thúy

